

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:104/2019/HS-PT
Ngày 26-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Thanh Nguyễn
2. Ông Bùi Đức Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 24/HSPT ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lư Tuyết D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Lư Tuyết D, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 49B đường H, Phường 16, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 63 đường C, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; Con ông: Lư Q và và Nguyễn Thị Tuyết P; Có chồng và 03 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Bà Trần Thị Bé N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: 127/3 đường L, phường 12, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI LƯU TUYẾT D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội Lư Tuyết D vụ án được tóm tắt như sau:

Lư Tuyết D và Trần Thị Bé N là tiểu thương mua bán hàng trái cây và hoa trước cho Phú Thọ, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình kinh doanh mua bán hàng hóa thì bà Trần Thị Bé N và Lư Tuyết D có mâu thuẫn với nhau. Vào khoảng 10 giờ 10 phút ngày 18/3/2018, Lư Tuyết D và Trần

Thị Bé N tiếp tục mâu thuẫn trong việc tranh giành khách mua hàng dẫn đến mâu thuẫn và cãi nhau. Lúc này, Lư Tuyết D đi đến sạp hàng của bà Trần Thị Bé N lấy một cái cân 12 kg, loại dùng để cân hàng, nhãn hiệu Nhơn Hòa ném trúng vào mặt bà Trần Thị Bé N làm rách mí mắt phải chảy máu, gây thương tích. Lư Tuyết D tiếp tục lấy một ghế nhựa, một viên gạch ở gần đó ném xuống đường về phía bà Trần Thị Bé N đe dọa. Được người dân can ngăn, Lư Tuyết D bỏ về nhà. Bà Trần Thị Bé N được gia đình đưa vào bệnh viện Trung Vương cấp cứu điều trị, hiện thương tích đã được ổn định. Sau đó, bà Trần Thị Bé N đến Công an Phường 13, Quận 11 trình báo và được lập biên bản sự việc chuyển Công an Quận 11 xử lý. Ngày 22/3/2018 bà Trần Thị Bé N có đơn yêu cầu xử lý Lư Tuyết D về hành vi cố ý gây thương tích.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lư Tuyết D, phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lư Tuyết D 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm (bốn năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lư Tuyết D bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Bé Ngân số tiền 6.000.000 đồng. Việc bồi thường được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 11/12/2018 bị cáo Lư Tuyết Dug làm đơn kháng cáo cho rằng mình không phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Ngày 13/12/2018 bị hại bà Trần Thị Bé Ngân làm đơn kháng cáo tăng hình phạt, không cho hưởng án treo và yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại.

Ngày 29/02/2019 Bị cáo tuyết Lư Tuyết D có ý kiến được rút toàn bộ kháng cáo và xin tòa án xét xử vắng mặt bị cáo.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật.

Về nội Lư Tuyết D kháng cáo: Bị cáo Lư Tuyết D có đơn kháng cáo nhưng đã có yêu cầu rút toàn yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ phần kháng cáo của bị cáo.

Về nội Lư Tuyết D kháng cáo của bị hại: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã

xem xét đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Lư Tuyết D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về phần tố tụng: Bị cáo có yêu cầu rút toàn bộ kháng cáo trước khi xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với kháng cáo của bị cáo; bị hại được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

Xét nội Lư Tuyết D kháng cáo của bị hại:

Vào lúc 10 giờ 10 phút ngày 18/3/2016 tại trước cho Phú Thọ, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo Lư Tuyết D và bà Trần Thị Bé Ngân có mâu thuẫn với nhau, bị cáo Lư Tuyết D đã sử dụng một cái cân loại 12 kg, nhãn hiệu Nhơn Hòa làm hung khí ném bà Trần Thị Bé N đã gây thương tích cho bà Trần Thị Bé N, tỷ lệ thương tích gây ra là 11 %. Với hành vi của bị cáo, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lư Tuyết D về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Bị khai kháng cáo đề nghị tăng tăng hình phạt, tăng số tiền bồi thường thiệt hại. Đơn kháng cáo của bị hại nằm trong hạn luật định là hợp lệ.

Xét, khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn phải nuôi 03 con nhỏ nên đã áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để từ đó xử phạt bị cáo (02) năm tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ và phù hợp.

Về phần dân sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại và bị cáo đã thỏa thuận thống nhất với nhau về số tiền bồi thường thiệt hại nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của các bên là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, việc bà Trần Thị Bé N kháng cáo cho rằng yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị Bé Ngân và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lư Tuyết D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ Điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lư Tuyết D 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm (bốn năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2025 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lư Tuyết D bồi thường thiệt hại cho bà Trần Thị Bé N số tiền 6.000.000 đồng.

Bị cáo không phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 4; (1)
- P.PC53-CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án Quận 4; (2)
- TAND Quận 4; (1)
- Công an Quận 4; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (23) (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam

